

PHẢI CHĂNG TÔN GIÁO MÂU THUỄN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?

ĐỖ QUANG HÙNG^(*)

Câu hỏi này thực sự được đặt ra đầu thế kỉ XX, sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917 và trở nên gay gắt sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Bởi lẽ, Kitô giáo và chủ nghĩa Mác là hai trong các trào lưu tư tưởng quan trọng bậc nhất trong lịch sử loài người. Những người chống đối chủ nghĩa Mác, và sau đó là chủ nghĩa xã hội hiện thực, thường coi đó là những giá trị không thể dung hòa, phủ định nhau từ trong bản chất.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với việc ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa (XHCN), thế giới hình thành “thế lưỡng cực”, đối chọi quyết liệt về ý thức hệ: tư tưởng tư sản - vô sản; chủ nghĩa xã hội (CNXH) - chủ nghĩa tư bản (CNTB); duy tâm - duy vật; vô thần - hữu thần... Trong bối cảnh đó, tôn giáo được đánh giá như một sản phẩm của sự dốt nát, lạc hậu, như món hàng thừa thãi và là sự cản trở trí tuệ và khoa học cũng như sự tiến bộ xã hội.

Tông thư *Thiên Chúa cứu chuộc* (Divini Redemptoris) của Giáo hoàng Piô XI, ban bố ngày 19/3/1937, được coi là nền tảng của học thuyết chống cộng sản của Tòa thánh La Mã, “nổi tiếng” ngay khi nó mới ra đời. Trong *Tông thư* này, Giáo hoàng không chỉ tố cáo chủ nghĩa cộng sản tự bản chất là chống tôn giáo,

khủng bố độc tài; phủ nhận tự do cá nhân, quyền con người, làm mòn văn minh Kitô giáo mà nó còn làm nghèo nàn nhân vị, chối bỏ Thiên Chúa và nhà nước Xô viết là kẻ cưỡng đoạt quyền con người nguy hại nhất⁽¹⁾.

Giáo hoàng Piô XII cũng đã từng phê phán gay gắt chủ nghĩa vô thần của CNXH. Theo ông, những kẻ XHCN vô thần là “những kẻ trì độn vì thuyết bất khả tri luận, vì tự mãn trước ảo ảnh của vũ trụ. Chúng không thể chịu được sự hiện diện bất diệt của Thiên Chúa, ngổ ngàng đổ kị với quyền uy của Người”⁽²⁾.

Khác với các văn kiện chống cộng sản và CNXH theo lối phi báng, đe dọa “tuyệt thông” nói trên, Giáo hoàng G.Phaolô II trong *Thông điệp Bách Chu niên* (Centensimus Annus) gần đây lại đi sâu hơn về mặt phân tích triết học và thần học. Nhưng mục đích phủ nhận CNXH trong vấn đề quyền con người và tôn giáo vẫn là một. Giáo hoàng viết: “Thời này (tại các nước XHCN Liên Xô và Đông Âu - ĐQH),

*. GS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem: *Các thông điệp xã hội*. Bản dịch nguyên văn Pháp ngữ của *Centre de Recherche et Action Sociales*, dưới sự chủ biên của D. Maugenest, Viện Đại học Công giáo Paris xuất bản, 1985, tr. 826-827.

2. *Thông điệp của Giáo hoàng Piô XII*, ngày 23/12/1949. Bản dịch của Xuân Lý. Nxb Thiện Bản. Huế 1950, tr.13.

đi ngược lại quan niệm “nhà nước pháp trị”, chủ nghĩa cực quyền dưới hình thức mácxít - léninnít cho rằng có một số người nhờ hiểu biết sâu xa hơn về những quy luật phát triển xã hội, hoặc nhờ thuộc về một giai cấp riêng biệt và nhờ tiếp xúc nhiều hơn với những nguồn mạch sâu sắc nhất của ý thức tập thể, nên không mắc sai lầm, và vì thế tự cho mình là những người nắm quyền bính tuyệt đối⁽³⁾.

Còn đối với các thế lực “trần gian”, chống đối CNXH, nhất là từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai trong cục diện “chiến tranh lạnh” thì sao?

Từ Âu sang Á, các thế lực đế quốc thực dân và tay sai lúc đó đều vu cáo CNXH là hình thái kinh tế xã hội dựa trên nền tảng vô thần, phủ nhận 3 giá trị cơ bản là: *Tổ quốc* (thay bằng chủ nghĩa quốc tế vô sản) *Gia đình* (thay bằng chủ nghĩa tập thể) và *xóa bỏ tôn giáo*. Từ đó, họ cho rằng “chủ nghĩa xã hội thường nhân danh “khoa học”, nhân danh “công bằng” và nhân danh “tiến bộ xã hội”, đứng lên đấu tranh chống tôn giáo⁽⁴⁾.

Mặc dù có sự đối chọi gay gắt như thế, nhưng đã có những thời điểm, về thực tiễn và lí luận, những người mácxít dường như đã có câu trả lời cho câu hỏi “Phải chăng tôn giáo mâu thuẫn với chủ nghĩa xã hội?”. Một câu trả lời rất khó khăn.

Những ý kiến của Fidel Castro trong cuộc trao đổi với Linh mục F.Betto năm 1985 tại Cu Ba, được xem như một trong những câu trả lời đáng chú ý nhất.

Chủ tịch Fidel không những phân tích sâu sắc luận đề “không có gì mâu thuẫn giữa mục đích của tôn giáo và mục tiêu của CNXH”, “sự liên minh giữa những người Kitô hữu và anh em mácxít (ở Cu

Ba) không phải là vấn đề chiến thuật mà là đồng minh chiến lược, có nghĩa là đồng minh mãi mãi”, mà còn so sánh hết sức táo bạo: “Khi Đức Kitô dạy: Phúc cho kẻ đói khát công bằng vì sẽ được no đủ, phúc cho kẻ đau khổ vì sẽ được an ủi, phúc cho kẻ bị tử nhục vì sẽ được đất đai, phúc cho kẻ nghèo khó vì Thiên Đàng là của họ, thì rõ ràng Đức Kitô không tặng Thiên Đàng cho người nghèo, mà thực sự Ngài tặng cho người nghèo khó, và tôi không tin rằng có thể cũng có sự lầm lẫn trong việc dịch hay giải thích bài giảng đó của Đức Kitô. Tôi thiết tưởng Karl Marx đã có thể nhất trí với bài *Thuyết giáo trên Núi đó*⁽⁵⁾.”

Hồ Chí Minh sớm hơn, và trong cách nói cô đúc hơn, cũng đã nói như thế.

Tuy vậy, trong thực tiễn đời sống, câu hỏi này thuộc dạng không thể trả lời *một lần*. Nó còn đòi hỏi sự *trải nghiệm* cả trong lí luận và thực tiễn đời sống tôn giáo và xã hội.

Trước hết, cũng cần trở lại gốc rễ vấn đề này trong kho tàng lí luận mácxít về tôn giáo.

Một trong những tác phẩm của V. I. Lênin được dịch, in nhiều lần ở Việt Nam từ trước thập kỉ 70 thế kỉ XX là cuốn *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo*. Điều đáng chú ý nhất của tác phẩm này là Lênin chỉ ra *những nguyên tắc* xây dựng một nhà nước thế tục theo quan điểm mácxít. Chúng ta có thể khu biệt những ý kiến của Lênin như sau:

3. *Các thông điệp xã hội*. Sđd, tr. 788.

4. Xem: A.Michel. *Chống cộng trong lĩnh vực tôn giáo*. Hương Quê xuất bản. Sài Gòn 1966, tr.17.

5. Xem: *Những cuộc trao đổi với linh mục Frei Betto trong Fidel và tôn giáo*. Nxb thành phố Hồ Chí Minh 1986, tr.16 và 282.

Thứ nhất, tất nhiên người mácxít khẳng định “tôn giáo phải được tuyên bố là việc tư nhân”. Nhưng với đảng và nhà nước XHCN thì: “Chúng ta đòi hỏi rằng đối với Nhà nước, tôn giáo phải là việc tư nhân, nhưng bất luận thế nào, chúng ta cũng không thể coi tôn giáo là một việc tư nhân đối với Đảng của chúng ta được”⁽⁶⁾.

Thứ hai, “Nhà nước không được dính líu đến tôn giáo, các đoàn thể tôn giáo không được gắn liền với chính quyền nhà nước. Mỗi người phải được hoàn toàn tự do theo tôn giáo nào mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào, nghĩa là được tự do làm người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần”⁽⁷⁾.

Để thực hiện những nguyên tắc ấy, Lênin còn gợi ý về *phương diện kinh tế* trong quan hệ với giáo hội, sự cần thiết phải ủng hộ xu hướng tích cực trong các tôn giáo đòi “dân chủ” và chống sự áp bức trong các tôn giáo, phương pháp đúng đắn khi tuyên truyền chủ nghĩa vô thần, vấn đề kết nạp đảng viên gốc giáo...

Kinh nghiệm Xô viết về thực tiễn việc giải quyết mối quan hệ tôn giáo và CNXH đã cho chúng ta những bài học quý: “Luật pháp về thờ cúng tôn giáo xác định rõ những bảo đảm cho việc thực hiện tự do tín ngưỡng. Mỗi người đều có quyền theo bất cứ tôn giáo nào và thực hiện thờ cúng tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào cả. Tất cả các tôn giáo và giáo phái (ở Liên Xô có gần 40 tôn giáo và các giáo phái khác nhau) đều bình đẳng với nhau. Các cơ quan nhà nước không can thiệp vào công việc nội bộ (việc cúng tế và các quy định có tính chất tôn giáo) của giáo hội và về phần mình, các giáo hội cũng không được can thiệp vào công việc của

Nhà nước... các tín đồ có thể liên minh với nhau đảm bảo cho việc thực hiện tự do tín ngưỡng. Mỗi tôn giáo có trên 20 người cũng như các nhóm tôn giáo có thành phần nhỏ hơn đều có thể hoạt động sau khi đã đăng kí theo quy định chung. Vấn đề đăng kí và khai trương các điện thờ do cơ quan của liên bang là *Ủy ban phụ trách các vấn đề tôn giáo* trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô giải quyết. Để tiến hành các lễ nghi tôn giáo, các liên minh tôn giáo có thể tự xây dựng điện thờ, thuê hoặc nhận nhà của Nhà nước để sử dụng. Trong hàng nghìn tòa nhà mà Nhà nước giao cho các hội tôn giáo sử dụng không phải trả tiền có những di tích lịch sử nghệ thuật kiến trúc vô cùng quý giá. Liên minh các tôn giáo tiến hành hoạt động độc lập không phụ thuộc vào các cơ quan chính quyền...”⁽⁸⁾.

Tuy vậy, con đường hướng từng tôn giáo cụ thể đến với CNXH cũng rất khác nhau.

Sau vấn đề Chính Thống giáo, Công giáo thì chắc hẳn *vấn đề Hồi giáo* - tôn giáo có lịch sử lâu đời thu hút đông đảo các cộng đồng dân cư sinh sống chủ yếu ở vùng Trung Á, Cápcadơ, Kazakstan, Xibiri và dọc sông Vônga với 4 trung tâm lãnh đạo độc lập - luôn rất quan trọng với Liên Xô.

Dù sao nhà nước Xô viết đã chăm lo cho họ, trước hết là sự bình đẳng về kinh tế, xã hội, trên tư cách công dân, sau đó là sự chăm sóc “phần hồn”. Tất nhiên, với người Hồi giáo, việc đào tạo chức sắc,

6. V. I. Lênin. *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo*. Bản in lần thứ ba. Nxb Sự thật. Hà Nội 1978, tr.17.

7. Sđd, tr.17.

8. Igo Tờrôianốpxi. *Công giáo ở Liên Xô*. Hãng Thông tấn Novôtxti, 1969, tr. 13-14.

người chuyên lo việc phụng tự là quan trọng. Ở Liên Xô lúc đó có trường đại học và học viện Hồi giáo ở Tasken. Họ còn được gửi đi đào tạo về thần học trong nhiều trường đại học Hồi giáo ở các nước Arab. Người Hồi giáo ở Liên Xô có một tạp chí riêng tên là *Những người Hồi giáo ở phương Đông Xô viết*.

Đảng Cộng sản Liên Xô đã khéo khai thác truyền thống cách mạng của người Hồi giáo trong cuộc nội chiến và Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Trong văn kiện của Đại hội XXVI của Đảng Cộng sản Liên Xô có nói đến: "Cuộc đấu tranh giải phóng dưới lá cờ của đạo Islam đứng về phía phản cách mạng. Từ khi ra đời, nhà nước Xô viết chưa bao giờ chống đạo Islam, chống lại quyền tự do tín ngưỡng của người Hồi giáo và giáo hội của họ... Ngược lại, chính quyền và Hiến pháp Xô viết đã đem lại cho đời sống tôn giáo của những người Hồi giáo ở Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết một sự tiến triển yên bình..."⁽⁹⁾.

Rõ ràng, quan hệ giữa nhà nước Xô viết và các giáo hội trong môi trường XHCN đã được thể chế hóa thành luật pháp có những kinh nghiệm tốt, tạo điều kiện để tôn giáo có thể hòa nhập trong chế độ XHCN.

Nhưng phải trở lại vấn đề: cơ sở lý luận và thực tiễn nào để khẳng định tôn giáo vẫn có thể hòa nhập, thích ứng hoặc đồng hành với CNXH?

Chu Ân Lai có những suy nghĩ rất sớm rằng, vấn đề *Đức tin tôn giáo* còn là vấn đề lâu dài, khách quan: "Con người tin theo tôn giáo, không chỉ hiện diện trong nhà nước XHCN, chính trong tương lai của xã hội cộng sản chủ nghĩa, phải chăng tôn giáo hoàn toàn không còn. Hiện tại, chúng ta không thể nói đến cái

chết của nó"⁽¹⁰⁾. Rõ ràng, Chu Ân Lai muốn nhắc nhở tâm lý lạc quan quá sớm về "cái chết của tôn giáo".

Cũng trong tác phẩm *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo Trung Quốc*, các tác giả sách này đã đề cập đến *Tính tất nhiên sự tồn tại của các tôn giáo trong xã hội XHCN*. Các tác giả phân tích từ *nhân tố tự nhiên, nhân tố xã hội, văn hóa và tâm lý* trong đó "Các mâu thuẫn trong đời sống xã hội vẫn là nguyên nhân xã hội để tôn giáo còn tồn tại và phát triển". Ảnh hưởng xã hội của truyền thống tôn giáo cũng là chuyện lâu dài. Đó là chưa kể điều kiện *Cải cách mở cửa*, giao lưu quốc tế dồn dập, khách quan đã mở rộng ảnh hưởng của tôn giáo...⁽¹¹⁾.

Các tác giả bàn khá sâu sắc về sự tồn tại khách quan lâu dài của tôn giáo trong CNXH, nhưng lại chưa đề cập đến một phương diện quan trọng khác: những cơ sở để tôn giáo *có thể hòa nhập* với môi trường CNXH, và ngược lại, vì sao chế độ XHCN vẫn có thể dành *chỗ đứng* cho các tôn giáo?

Như chúng ta đã biết, trong cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, thực sự bắt đầu từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, từ chức sắc đến tín đồ các tôn giáo nói chung đã hỗ trợ như thế nào với cuộc cách mạng. Bởi lẽ, trước hết Cách mạng tháng Tám thực sự là cuộc *giải phóng* cho toàn dân tộc, giành

9. Xem: V.Goussarov. *Le pouvoir soviétique et L'Islam*. Ed. de l'Agence de presse Novosti. Moscou 1984, p. 4-5.

10. Đới Khang Sinh, Bành Diệu. *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo Trung Quốc*. Nxb Nhân dân Giang Tây, 1996, tr.58. Bản dịch của Trần Anh Đào. Tài liệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

11. Những phân tích này trong *Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo Trung Quốc*. Sđd, tr. 61-72.

lại quyền làm người tự do, độc lập cho quốc gia, và nói chung, tạo nên một biến cố vĩ đại, đẩy tính nhân văn trong tâm thức cả dân tộc. Người có tôn giáo đều dễ dàng chia sẻ sự trải nghiệm quan trọng ấy.

Nhưng khi bước vào giai đoạn cách mạng XHCN, cuộc cách mạng được coi là *triệt để nhất* trong phạm trù khái niệm các cuộc cách mạng trong lịch sử loài người, liệu vấn đề có còn “thuận lợi” như thế? Bởi vì, chắc chắn rằng, trong điều kiện CNXH, Đảng và Nhà nước khi thực thi những chính sách kinh tế - xã hội, chính trị - văn hóa có tính đảo lộn từ con người đến toàn xã hội, tất yếu phải *đứng đến các cộng đồng tôn giáo* nhiều hơn, phức tạp và tế nhị hơn.

Một tư liệu rất thú vị cho ta thấy rõ trở ngại tâm lí, nhận thức này nơi tín đồ một số tôn giáo.

Linh mục Chân Tín, một cây bút nổi tiếng trong nhóm *Đôi điện*, có xu thế đối lập với chế độ Nguyễn Văn Thiệu ở miền Nam trước năm 1975. Sau khi đất nước thống nhất, ông đã có mặt trong đoàn đại biểu miền Nam ra thăm đất Bắc. Ông đã viết bài *Giới Công giáo trước vấn đề thống nhất đất nước và tiến lên chủ nghĩa xã hội*, đăng tải trên tạp chí *Đứng dậy* (tục bản của *Đôi điện*), số 82, ngày 30/4/1976.

Trong không khí hồ hởi của ngày đầu giải phóng, ông có tình cảm và sự cảm phục với miền Bắc XHCN, nhưng cũng bộc lộ ngay “những băn khoăn” của một trí thức Công giáo:

“Băn khoăn thứ nhất là băn khoăn cái nghèo. Nhân dân miền Nam thấy miền Bắc XHCN đang còn nghèo, nên băn khoăn về khả năng cải thiện đời sống vật chất của XHCN...”

Băn khoăn thứ hai là băn khoăn về tự do dân chủ... Ngay trong những tháng đầu từ ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng đến nay, nhân dân miền Nam thấy ngột ngạt vì vấn đề tự do đi lại khó khăn, với những khó dễ hành chính, an ninh, vì những thủ tục rườm rà, vì những thái độ hống hách, tham nhũng, quan liêu, độc đoán của một số nhân viên mà Bác Hồ gọi họ là những “Ông quan cách mạng”. Nhân dân miền Nam nghĩ lầm rằng, đó là XHCN mới bắt đầu mà đã thế, thì khi XHCN tiến mạnh lên thì ra sao...

Băn khoăn thứ ba riêng cho giới Công giáo, đó là vấn đề tự do tín ngưỡng. Giới Công giáo nghĩ rằng, XHCN Mác - Lênin nhìn Thiên Chúa như một ảo tưởng, nên nếu Nhà nước có ban sắc lệnh tự do tôn giáo, đó chỉ là một cái gì tạm thời mà thôi. Hiện tại ở miền Nam đã có những nhân viên nhà nước có những thái độ, lời nói, việc làm trái ngược với chính sách tôn giáo đúng đắn của Nhà nước⁽¹²⁾.

Mười năm sau, như để trả lời cho *những băn khoăn* ấy của Linh mục Chân Tín, Linh mục Vương Đình Bích có bài *Đời sống Công giáo và đời sống xã hội chủ nghĩa*, viết rất công phu, đăng tải liên 9 số trên tờ *Công giáo và Dân tộc* (từ số ra ngày 23/2/1986 đến ngày 8/6/1986).

12. Chân Tín. *Giới Công giáo trước vấn đề...* Tạp chí *Đứng dậy*, số 82, ngày 30/4/1976, tr. 72-73. Một khía cạnh khác của tâm tư người Công giáo Việt Nam được Trương Bá Cán nêu trong bài *Không sợ chủ trương vô thần mà sợ chủ trương chống tôn giáo* (Báo *Công giáo và Dân tộc*, ngày 12/3/1987). Trong bài này, tác giả cho rằng, một số sách giáo khoa về tôn giáo ở miền Bắc đã quá nhấn mạnh “Mâu thuẫn giữa CNXH và tôn giáo là mâu thuẫn về thế giới quan không thể điều hòa”, khiến người có đạo hiểu rằng nhà nước XHCN sẽ có những biện pháp hạn chế, xóa dần tôn giáo...

Bằng cách đi vào từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội và đời sống tôn giáo, trên nền tảng cái nhìn *thần học* và *chính trị học*, tác giả đã rút ra những suy nghĩ về *cái chung*, *cái riêng*, về những *tương đồng và dị biệt* khi Công giáo thực sự chung sống dưới chế độ XHCN.

Chẳng hạn ở bài số 3, *Chiều kích xã hội của đời sống Kitô giáo (Công giáo và Dân tộc*, ngày 9/3/1986), tác giả đi từ “khoa học nghiên cứu lịch sử Thiên Chúa giáo” để đưa ra nhận định: “Với bộ Tân Ước mỗi gia đình Công giáo chúng ta có ngày nay, chúng ta không thể không công nhận rằng, Giáo hội mình đã từng sống dưới dạng XHCN, thậm chí cộng sản chủ nghĩa, cách đây 1.900 năm rồi. Thế thì tại sao ngày nay chúng ta vẫn còn bị tác động để ngăn ngại “sở hữu tập thể” vốn đang là một hình thức sống lí tưởng của các dòng tu Công giáo?... Chính hoàn cảnh mà ý thức xã hội của con người đã được tổ chức thành chế độ XHCN như trên đất nước ta hiện nay quả là một vận may chưa từng có để người Công giáo chúng ta sống được quan điểm xã hội của chính Đức Giêsu Kitô”⁽¹³⁾.

Trong bài kết, tác giả không chỉ khẳng định sự hòa nhập tốt đẹp bước đầu của Công giáo thành phố Hồ Chí Minh sau 10 năm giải phóng miền Nam, độc lập thống nhất và CNXH mà còn đưa ra những *thí dụ* nhạy cảm: “Tại Việt Nam không thiếu gì đảng viên có vị là tín hữu Công giáo, ý thức hệ mâu thuẫn, nhưng không vì thế mà “đồng sàng dị mộng”⁽¹⁴⁾. Lm. Vương Đình Bích rút ra một số kết luận rất đáng lưu ý:

a. “Cái hố ngăn cách thành kiến, có nơi trở thành định kiến không phải vì Công giáo với Việt minh, không phải vì vô thần

với hữu thần mà vì mưu đồ “chia để trị” của thực dân, đế quốc. Hố ngăn cách ấy đã đào sâu ngọt nửa thế kỉ. Nhưng tại thành phố Hồ Chí Minh, mới chỉ 10 năm, tức 1/5 thời gian “đào hố”, đây là một “phép lạ” lớn lao gấp trăm lần phép lạ “ngăn sông Đà”...

b. “Trong lãnh vực quan hệ giữa Cách mạng và Công giáo từ đầu và xuyên suốt hai thời kháng chiến chống Pháp, thắng Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói riêng và Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung luôn luôn kêu gọi đoàn kết lương giáo với những chính sách cụ thể tìm cách đưa người Công giáo vào chung một tuyến “vì sự nghiệp Tổ quốc, vì Việt Nam”.

c. “Hạnh phúc là cái chung. Cách mạng XHCN không thể hoàn thành, bao lâu còn những bộ phận giáo hữu đứng ở bên lề. Tin mừng của Đức Kitô không thể hoàn thành việc cứu độ, bao lâu còn có những người vô thần tiếp tục coi tôn giáo như kẻ thù của loài người. Chúng ta đang ở giai đoạn đầu của *Sự nghiệp Hạnh phúc chung*”⁽¹⁵⁾.

Để có được những kết quả to lớn ấy, nhất là trong nhận thức của chức sắc các tôn giáo, và nói chung, cả nhận thức toàn xã hội, từ lâu Đảng ta cũng đã có sự chuẩn bị, trước hết trên phương diện lí luận.

Nhận thấy trong những năm đầu xây dựng XHCN ở miền Bắc, một bộ phận cán bộ, kể cả đảng viên có quan niệm phiến diện rằng, chính sách tự do tôn giáo trong CNXH chỉ là sách lược, hoặc tư tưởng bản

13. Lm. Vương Đình Bích. *Đời sống Công giáo và đời sống xã hội chủ nghĩa*. Báo Công giáo và Dân tộc, ngày 9/3/1986.

14. Lm Vương Đình Bích. *Đời sống Công giáo...* Bài số 9, ngày 8/6/1996.

15. Lm Vương Đình Bích. Bdd ngày 8/6/1986.

khoản: nếu người có đạo không chịu đi theo quan điểm vô thần thì làm sao có thể hòa nhập với chế độ mới..., tác giả Phạm Quang Hiệu phân tích: “Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội thích hợp với các tầng lớp nhân dân lao động, không kể đối với người có hoặc không tín ngưỡng tôn giáo; nó chỉ có mục đích duy nhất là xóa bỏ bóc lột, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân. Xã hội XHCN không phải chỉ dành riêng cho người cộng sản... Từ trước đến nay và cả sau này, Đảng ta không bao giờ đòi hỏi những người tán thành CNXH đồng thời phải là người duy vật vô thần triệt để”⁽¹⁶⁾.

Trước đó, năm 1959, Đặng Nguyên đi sâu hơn vào cụ thể hai giới chủ yếu của một cộng đồng tôn giáo là *tín đồ* và tầng lớp *chức sắc*. Thực tế lúc đó ở miền Bắc là, số đông tín đồ các tôn giáo, kể cả số tín đồ - đa số là nông dân - theo đạo Công giáo đang sôi nổi tham gia các tổ đổi công, hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, cải tiến kĩ thuật canh tác và tham gia bình dân học vụ. Ở các vùng tập trung quần chúng theo đạo Công giáo, nhiều nơi đã có 50%, 60%, có nơi 90% hoặc 100% giáo dân vào tổ đổi công. Tỉnh Ninh Bình có đông quần chúng theo đạo Công giáo nhưng lại là nơi hoàn thành nhiệm vụ thanh toán nạn mù chữ trước tiên ở miền Bắc⁽¹⁷⁾. Sự thật ấy đã bác bỏ sự truyền về một “*Giáo hội thâm lặng*”, “*Giáo hội sau bức màn sắt*” của các thế lực thù địch ở miền Nam.

Tác giả Đặng Nguyên viết: “Rõ ràng là lợi ích căn bản của quần chúng tín đồ các tôn giáo và lợi ích cơ bản của nhân dân ta là hoàn toàn nhất trí... Vấn đề đoàn kết quần chúng tín đồ các tôn giáo là vấn đề rất quan trọng... Đối với tầng lớp trên,

các chức sắc chuyên làm nghề tôn giáo, chúng ta cần gần gũi họ và làm cho quan hệ với họ được tốt...”.

Chính vì vậy, bên cạnh việc đấu tranh để loại bỏ các yếu tố chống đối, phản động còn tồn tại trong các tôn giáo sau năm 1975, Đảng ta đặc biệt quan tâm đến việc *thiết kế lộ trình* cho tôn giáo hòa nhập vào đời sống của CNXH.

Mặc dù, cánh cửa đổi mới thực sự về đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng ta được ghi dấu mốc từ Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị cuối năm 1990, nhưng những cơ sở lí luận cho sự đổi mới ấy được bắt đầu ngay sau Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ VI (1986).

Một trong những sự kiện quan trọng lúc đó là cuộc tiếp xúc thân mật của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với các vị giám mục về dự Hội nghị Hội đồng Giám mục Việt Nam ngày 28/5/1987 tại Hà Nội, một cuộc gặp gỡ được giới Công giáo coi là một “sự kiện lịch sử”.

Luật sư Phạm Thành Vinh, Ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo yêu nước Việt Nam (tức Ủy ban Đoàn kết Công giáo hiện nay) đã viết: “Nhân dịp này ông Tổng Bí thư làm sáng tỏ mục tiêu của Đảng là đấu tranh giải phóng con người lao động khỏi áp bức, bóc lột, thực hiện sự bình đẳng giữa con người với con người, giữa các dân tộc với nhau... Ông chứng minh biết bao người cộng sản đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc, cho nhân dân... Mục đích của đạo Thiên Chúa là giải phóng con người khỏi

16. Phạm Quang Hiệu. *Tự do tín ngưỡng*. Tạp chí Học tập, số 12/1961, tr.57.

17. Đặng Nguyên. *Mấy ý kiến về vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay*. Tạp chí Học tập, số 10/1959, tr.48 và 50.

cảnh nghèo khổ, không trái với mục đích của Đảng. Đó là cơ sở vững chắc để tạo niềm tin..."⁽¹⁸⁾.

Tác giả cũng đã phê phán sự tồn tại dai dẳng trong nhận thức một số giáo dân về sự tuyên truyền rằng Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương *kìm hãm tôn giáo*, chính sách với tôn giáo chỉ là *sách lược*...

Với Nghị quyết 24, các luận điểm lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam: thừa nhận tôn giáo là một nhu cầu chính đáng của một bộ phận nhân dân; vấn đề tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong chế độ XHCN, và quan trọng hơn, khẳng định những giá trị đạo đức lớn và nhỏ trong các tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với CNXH... đã thực sự tạo ra *bước ngoặt* nhận thức về vấn đề tôn giáo ở nước ta. Năm 1998, với Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) còn nêu ra chính sách phát huy các giá trị văn hóa - đạo đức của các tôn giáo trong chiến lược phát triển văn hóa nói chung của nước ta hiện nay.

Nghị quyết của Bộ Chính trị lần thứ 7 (Khóa VII) đã chứng tỏ sự đáp ứng cho yêu cầu cấp thiết đó: "Đại đoàn kết dân tộc chủ yếu là lấy mục tiêu chung đó làm điểm *tương đồng*, đồng thời *chấp nhận* những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân"⁽¹⁹⁾.

Chưa bao giờ như những năm gần đây, hai từ *tương đồng* và *đồng thuận* được nhắc nhiều khi nói đến tôn giáo và CNXH trong điều kiện Việt Nam.

Nhân tết Nguyên đán Quý Mùi (1993), trong dịp thăm chùa Trấn Quốc, Tổng Bí thư Đỗ Mười nói thêm về điều này: "Như vậy, lí tưởng của các tôn giáo cũng giống lí

tưởng của CNXH ở chỗ: chống áp bức, bóc lột, bất công; xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân. Lí tưởng của CNXH và lí tưởng của các tôn giáo không xung đột. Chúc sác, tín đồ của các tôn giáo có thể yên tâm thờ cúng và xây dựng CNXH trong phong trào tốt đạo, đẹp đời rộng lớn của hàng triệu tín đồ..."⁽²⁰⁾.

Những nỗ lực của Đảng ta trong việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tôn giáo và CNXH ngót hơn 15 năm qua nhằm thực hiện sự đổi mới về đường lối chính sách tôn giáo, tín ngưỡng đã đem lại hiệu quả rõ rệt. Cùng với những cố gắng của xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo, Đảng đã ủng hộ, góp thêm những điều kiện cho việc triển khai những khuynh hướng thần học tiến bộ trong các tôn giáo. Và không có gì tiêu biểu hơn là đường hướng: *Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc, gắn bó với vận mệnh của quê hương*... (Công giáo, Thư chung 1980); *Phật pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội* (Phật giáo 1981); *Đời đạo tương hiệp của đạo Cao Đài, Nước vinh - Đạo sáng, Phụng đạo - Yêu nước và gắn bó với Dân tộc của Phật giáo Hòa Hảo*...

Có thể nói, trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay, câu trả lời cho vấn đề trên thực rõ ràng, dứt khoát: tôn giáo không những không mâu thuẫn với CNXH mà nó còn hoàn toàn có khả năng hội nhập, đồng hành cùng CNXH./

18. Xem: Phạm Thành Vinh. *Vài dòng cảm xúc về cuộc tiếp xúc của ông Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam với Hội đồng Giám mục*. Báo Người Công giáo Việt Nam, ngày 26/7/1987.

19. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 07/NQ-TW, ngày 17/11/1993. Dẫn lại từ bài *Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng*... của Lê Quang Vinh, Tạp chí *Cộng sản*, Số 6 (3/2000), tr.11.

20. Dẫn lại từ bài của Lê Minh. Tạp chí *Cộng sản*, số 10/1993, tr.17.